

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 1694/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành và cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2013

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 756/SNV-CCHC ngày 23/6/2014,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố chỉ số Cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành và cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2013 (có các danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Lấy chỉ số cải cách hành chính làm tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



Nguyễn Hữu Hoài

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**DANH SÁCH  
XẾP THỨ TỰ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2013  
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: **1694/QĐ-UBND**, ngày **27** tháng **6** năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	SỞ, BAN, NGÀNH	Điểm CCHC				Chỉ số đạt được
		Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)
1	Sở Tư pháp	71	66,5	21,63	<b>88,13</b>	88,13%
2	Ban QL Khu kinh tế	63,5	62,5	20,85	<b>83,35</b>	83,35%
3	Sở Văn hóa-Thể thao và DL	62	54,7	22,09	<b>76,79</b>	76,79%
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	72	54,9	21,16	<b>76,06</b>	76,06%
5	Sở Nội vụ	57,2	56	19,6	<b>75,60</b>	75,60%
6	Sở Giao thông vận tải	64,5	53,7	21,7	<b>75,40</b>	75,40%
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	62	51,7	23,32	<b>75,02</b>	75,02%
8	Sở Xây dựng	56	54	20,8	<b>74,80</b>	74,80%
9	Sở Tài chính	66	54,2	19,43	<b>73,63</b>	73,63%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	61	51,7	21,24	<b>72,94</b>	72,94%
11	Văn phòng UBND tỉnh	65,5	52,7	19,94	<b>72,64</b>	72,64%
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	62,5	50,7	20,69	<b>71,39</b>	71,39%
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	63,3	49,3	20,36	<b>69,66</b>	69,66%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	50	47,5	19,45	<b>66,95</b>	66,95%
15	Sở Y tế	65	42,5	21,22	<b>63,72</b>	63,72%
16	Thanh tra tỉnh	63	43,4	18,72	<b>62,12</b>	62,12%
17	Sở Lao động-TB&XH	56,5	39,4	19,87	<b>59,27</b>	59,27%
18	Sở Ngoại vụ	55,5	37,95	19,66	<b>57,61</b>	57,61%
19	Ban Dân tộc	42	37,65	18,52	<b>56,17</b>	56,17%
20	Sở Công Thương	47,7	35,5	18,8	<b>54,30</b>	54,30%

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**DANH SÁCH  
XẾP THỨ TỰ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2013  
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số: **1694** /QĐ-UBND, ngày **27** tháng **6** năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HUYỆN, THÀNH PHỐ	Điểm CCHC				Chỉ số đạt được
		Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)+(5)	(7)
1	UBND thành phố Đồng Hới	64,9	60,1	20,51	<b>80,61</b>	80,61%
2	UBND huyện Quảng Ninh	64,1	57,7	22,17	<b>79,87</b>	79,87%
3	UBND huyện Tuyên Hóa	55,5	52,2	21,67	<b>73,87</b>	73,87%
4	UBND huyện Bố Trạch	65,9	54,3	19,3	<b>73,60</b>	73,60%
5	UBND huyện Lệ Thủy	73,7	53,1	20,42	<b>73,52</b>	73,52%
6	UBND huyện Quảng Trạch	66,5	50,4	19,71	<b>70,11</b>	70,11%
7	UBND huyện Minh Hóa	64,7	46,1	18,85	<b>64,95</b>	64,95%